

Số: 10/2022/QĐ-TA

Ninh Sơn, ngày 05 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

- 1. Thẩm phán chủ trì phiên họp:* Ông Nguyễn Khải Hoàng.
- 2. Thư ký phiên họp:* Ông Võ Minh Trường.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tiến hành phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính: “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” theo Quyết định mở phiên họp số: 10/QĐ-TA ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Thông báo hoãn phiên họp số 02/TB-TLHS ngày 28 tháng 4 năm 2022 đối với:

Họ và tên: **Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: Không)**; Giới tính: Nam;

Sinh ngày: 14/12/1996;

CCCD số: 058096000107. Ngày cấp: 12/3/2021.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Đầu bếp.

Hộ khẩu thường trú + Chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

Ngày 23/11/2021, bị áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn T thời hạn 03 tháng theo Quyết định số 195/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, đã chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 36/GCN-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Con ông: Nguyễn Văn M sinh năm 1965 và bà Võ Thị M, sinh năm: 1964.

Có mặt tại phiên họp.

Có sự tham gia của:

1. Đại diện Cơ quan đề nghị: Ông Hồ Thanh Tùng - Chuyên viên phụ trách công tác tệ nạn xã hội thuộc Phòng Lao động - Thương binh và XH huyện N.

Theo Giấy ủy quyền số: 32//GUQ-PLĐTBXH ngày 18/4/2022 của Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Có mặt tại phiên họp.

2. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận*: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Có mặt tại phiên họp.

NHẬN THẤY:

Nguyễn Đức N là người nghiện ma túy đá, do nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy nên bị Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện N áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn T với thời hạn là 03 tháng tại Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 23/11/2021. N chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 36/GCN-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 30/3/2022, N tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Kết quả xét nghiệm tại Trung tâm y tế huyện N, kết luận: Nguyễn Đức N dương tính và có nghiện ma túy đá, loại: Methamphetamine. Ngày 01/4/2022, Công an thị trấn T ban hành Thông báo kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy cho Nguyễn Đức N theo Thông báo số 44/TB-CATT. Tuy nhiên, N không đăng ký cai nghiện tự nguyện nên ngày 08/4/2022, Chủ tịch UBND thị trấn T lập biên bản vi phạm hành chính về việc cai nghiện ma túy tự nguyện đồng thời ban hành Thông báo số: 31/TB-UBND về việc: “Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” đối với Nguyễn Đức N.

Sau đó, hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N để đề nghị xem xét hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Đức N.

Ngày 15/4/2022 Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N ban hành Văn bản số: 30/PLĐTBXH - TNXH đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét, áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Đức N với thời gian từ 12 đến 18 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận.

Tại phiên họp:

Người đại diện của Cơ quan đề nghị, ông Hồ Thanh Tùng trình bày: Căn cứ vào các hành vi vi phạm của Nguyễn Đức N, cùng với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nhận thấy, N đã bị Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn T với thời hạn là 03 tháng tại Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 23/11/2021. N chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 36/GCN-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên, N không có tiến bộ, tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy đá. Tại Văn bản số: 31/PLĐTBXH - TNXH ngày 15/4/2022, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa Nguyễn Đức N vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian từ 12 đến 18 tháng. Tại phiên họp hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N cũng đề nghị là 12 đến 18 tháng.

Người bị đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là anh Nguyễn Đức N trình bày: Anh thừa nhận có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy như người được Trường phòng Lao động - Thương binh và Xã hội ủy quyền trình bày. Tuy nhiên, do ham chơi, đua đòi theo bạn bè nên anh làm lỡ, anh mong được tha thứ, chia sẻ với lỗi lầm của anh. Anh đề nghị Tòa án xem xét Quyết định đưa anh vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian ngắn nhất để anh có thời gian về lo cho gia đình vì anh không có người thân bên cạnh, vợ đang mang thai, anh hứa sẽ không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy nữa.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia phiên họp thực hiện đúng quy định của Pháp lệnh số: 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án.

- Về nội dung: Nguyễn Đức N là người đã thành niên, đủ năng lực nhận thức được việc sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Mặc dù đã bị Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện N áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn T với thời gian 03 tháng nhưng tiếp tục sử dụng ma túy đá. Ngày 08/4/2022, Chủ tịch UBND thị trấn T ban hành Thông báo số: 31/TB-UBND về việc: “Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” đối với Nguyễn Đức N. Do đó, ngày 15/4/2022, Trường phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N ban hành văn bản số 31/PLĐTBXH - TNXH về việc đề nghị xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Đức N là có căn cứ pháp luật. Kiểm sát viên thống nhất với ý kiến của người được Trường Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N ủy quyền. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Trường Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N; Ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa Nguyễn Đức N vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian từ 12 đến 15 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên họp; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Người đại diện Cơ quan đề nghị và Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục lập hồ sơ:

Nguyễn Đức N bị Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện N áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn T với thời hạn là 03 tháng theo Quyết định số 195/QĐ-TA ngày 23/11/2021. N chấp hành xong theo Giấy chứng nhận số 36/GCN-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch UBND thị trấn T.

Ngày 30/3/2022, N tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Kết quả xét nghiệm tại Trung tâm y tế huyện N, kết luận: Nguyễn Đức N dương tính và có

nghiện ma túy đá, loại: Methamphetamine nhưng không thực hiện đăng ký cai nghiện tự nguyện theo Thông báo số: 44/TB-CATT, ngày 01/4/2022 của Công an thị trấn T nên ngày 08/4/2022, Nghi bị Chủ tịch UBND thị trấn T lập Biên bản vi phạm về cai nghiện ma túy tự nguyện, đồng thời ban hành Thông báo số: 31/TB-UBND về việc: “Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” đối với Nguyễn Đức N.

Sau đó hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N để đề nghị xem xét hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Đức N.

Ngày 15/4/2021 Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N ban hành Văn bản số: 31/PLĐTBXH - TNXH đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét, áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Đức N với thời gian từ 12 đến 18 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận.

Thấy rằng: Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa Nguyễn Đức N vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục; Phù hợp với Điều 95, 96, 103, 104 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các Điều 33, 40, 41, 42, 43 của Nghị định số: 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ.

[1.2] Về thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

Tại điểm d, khoản 2 Điều 6 của Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định: “*Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 96 luật này*”. Xét thấy: Ngày 30/3/2022, Nguyễn Đức N bị Công an thị trấn T lập biên bản vi phạm hành chính lần cuối về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tính đến ngày 05/5/2022, là ngày Tòa án công bố Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa Nguyễn Đức N vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì thời hiệu vẫn còn, đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 của Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 1 Điều 9 của Nghị quyết số: 04/2015/NQ-HĐTP ngày 24/12/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

[2] Về nội dung:

Thấy rằng, Nguyễn Đức N là người đã thành niên, có nơi cư trú ổn định nhưng nghiện ma túy đá, đã bị Chủ tịch UBND thị trấn T, huyện N áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn T với thời gian 03 tháng nhưng còn tiếp tục vi phạm, nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy. Xét thấy: Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Đức N với cường độ ngày càng nhiều hơn, không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của chính bản thân, mà còn xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, cũng như ảnh hưởng tình hình trật tự, an toàn xã hội và sự phát triển của nòi giống dân tộc.

Từ những phân tích nêu trên: Việc đưa Nguyễn Đức N vào cơ sở cai nghiện bắt buộc một thời gian để tạo điều kiện cho N cai nghiện, chữa bệnh, lao động và học nghề nhằm giúp N trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội là hoàn toàn cần thiết. Xét đề nghị của người được Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N ủy quyền và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đưa Nguyễn Đức N vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian từ 12 đến 18 tháng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp Pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với: Nguyễn Đức N, sinh ngày 14/12/1996.

2. Thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày Nguyễn Đức N bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Người bị đề nghị có quyền khiếu nại, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N có quyền kiến nghị, Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quyền kháng nghị đối với Quyết định này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án công bố quyết định.

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

5. Cơ quan thi hành quyết định: Công an huyện N chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện N để đưa Nguyễn Đức N vào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận, tại địa chỉ: Thôn Tân Lập 2, xã Lương Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Phòng LĐTB&XH huyện N;
- Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận;
- UBND TT T;
- Người bị đề nghị: Nguyễn Đức N;
- Lưu: Hồ sơ ADBPXLVPHC.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Khải Hoàng

(6) Đánh giá, phân tích của Thẩm phán về tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị; đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, mức độ nhận thức của người bị đề nghị áp dụng; về ý kiến của người tham gia phiên họp; lý do, căn cứ và sự cần thiết áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người bị đề nghị.

Đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là người thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định.

15. *Người không có năng lực trách nhiệm hành chính* là người thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

2. Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính được quy định như sau:

a) Thời hiệu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 90; 06 tháng, kể từ ngày cá nhân thực

hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 90 hoặc kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 90; 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 90 của Luật này;

b) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 92; 06 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 92 hoặc kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 92 của Luật này;

c) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là 01 năm, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 94 của Luật này;

d) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 96 của Luật này.

Điều 7. Thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nếu trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Điều 8. Cách tính thời gian, thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính

1. Cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp trong Luật này có quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc.

2. Thời gian ban đêm được tính từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau.

Điều 93. Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

1. Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 94 của Luật này để lao động, học văn hoá, học nghề, sinh hoạt dưới sự quản lý của cơ sở giáo dục bắt buộc.

2. Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc từ 06 tháng đến 24 tháng.

Điều 94. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là người thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong

06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định.

2. Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với các trường hợp sau đây:

- a) Người không có năng lực trách nhiệm hành chính;
- b) Người chưa đủ 18 tuổi;
- c) Nữ trên 55 tuổi, nam trên 60 tuổi;
- d) Người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện;
- đ) Phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Điều 101. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

1. Việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với đối tượng quy định tại Điều 94 của Luật này được thực hiện như sau:

a) Đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ và các tài liệu khác có liên quan;

b) Đối với người không cư trú tại nơi có hành vi vi phạm pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác minh; trường hợp xác định được nơi cư trú thì có trách nhiệm chuyển người đó kèm theo biên bản vi phạm về địa phương để xử lý; trường hợp không xác định được nơi cư trú của người đó thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Hồ sơ đề nghị gồm có biên bản vi phạm; bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; bản trích lục tiền án, tiền sự; biện pháp giáo dục đã áp dụng (nếu có); bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ;

c) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thu thập các tài liệu và lập hồ sơ đề nghị quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

2. Trường hợp người vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 94 của Luật này thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người đó.

Hồ sơ đề nghị gồm có bản tóm tắt lý lịch; tài liệu về các hành vi vi phạm pháp luật của người đó; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã áp dụng; bản tường trình của người vi phạm hoặc của người đại diện hợp pháp của họ.

3. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện của họ về việc lập hồ sơ. Những người này được quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Sau khi người bị áp dụng hoặc người đại diện của họ đọc xong hồ sơ thì hồ sơ được gửi cho Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và chuyển Trưởng Công an cùng cấp.

Điều 16. Lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính (Nghị định 81/2013/NĐ-CP)

1. Việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với đối tượng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 5 Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính khi đối tượng đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đó trong 06 tháng.

2. Việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, **cơ sở giáo dục bắt buộc** đối với đối tượng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều 92, Khoản 1 Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính khi đối tượng đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đó trong 06 tháng.

3. Việc lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không áp dụng đối với người đang tham gia các chương trình cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo quy định của pháp luật về phòng, chống ma túy.

Điều 17. Thông báo về việc lập hồ sơ và kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều 97, Khoản 3 Điều 99, Khoản 3 Điều 101 và Khoản 3 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan đã lập hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho người bị áp dụng hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên về việc lập hồ sơ. Văn bản thông báo phải nêu rõ biện pháp xử lý hành chính áp dụng trong hồ sơ đề nghị, quyền được đọc, ghi chép và sao chụp những nội dung cần thiết trong hồ sơ của người nhận được thông báo.

2. Việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính quy định tại Khoản 1 Điều này do Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã, Trưởng phòng tư pháp cấp huyện

thực hiện phải bảo đảm sự phù hợp, đầy đủ theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với các vấn đề sau:

- a) Các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị theo quy định tại Khoản 3 Điều 97; Khoản 1, khoản 2 Điều 99; Khoản 1, khoản 2 Điều 101; Khoản 1, Khoản 2 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính;
- b) Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính quy định tại Khoản 2 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính; đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính quy định tại Điều 90, Điều 92, Điều 94 và Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính;
- c) Thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị; trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định.

3. Văn bản kiểm tra tính pháp lý phải có chữ ký của người có thẩm quyền kiểm tra và được đóng dấu; đối với cấp xã phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Văn bản kiểm tra tính pháp lý được gửi kèm hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Điều 18. Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính khi thi hành công vụ

1. Khi tiến hành xử phạt vi phạm hành chính hoặc xem xét quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, người có thẩm quyền phải:

- a) Có lệnh thi hành công vụ, mặc trang phục, sắc phục, phù hiệu của ngành theo quy định;
- b) Xử lý kịp thời, đúng tính chất, mức độ vi phạm, đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, điều lệnh, điều lệ, quy chế của từng ngành;
- c) Có thái độ hòa nhã, nghiêm túc, không gây phiền hà, sách nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản khác của người vi phạm hoặc dung túng, bao che người vi phạm; không được vi phạm các điều cấm.

2. Người có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này hoặc vi phạm quy định về những hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 12 Luật xử lý vi phạm hành chính hoặc vi phạm quy định khác của pháp luật, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi hoàn theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

Điều 107. Gửi quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để thi hành

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi cho người bị áp dụng, Trưởng Công an cấp huyện và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và các

cơ quan hữu quan đề thi hành theo quy định của pháp luật; quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng còn được gửi cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại TAND;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 04:

(1) và (3) Ghi tên Toà án có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; cần ghi rõ Toà án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân quận N, thành phố C).

(2) Trường hợp Toà án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì bỏ cụm từ “(không áp dụng)”.

(4) Ghi địa điểm Toà án tiến hành mở phiên họp (ví dụ: tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố C).

(5) Ghi tóm tắt hành vi vi phạm của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; các ý kiến của đại diện cơ quan đề nghị, Viện kiểm sát, người bị đề nghị tại phiên họp.

(6) Đánh giá, phân tích của Thẩm phán về tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị; đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, mức độ nhận thức của người bị đề nghị áp dụng; về ý kiến của người tham gia phiên họp; lý do, căn cứ và sự cần thiết áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người bị đề nghị.

(7) và (9) Trường hợp Toà án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì có điểm 2 và điểm 5 phần quyết định; trường hợp Toà án quyết định không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì bỏ điểm 2 và điểm 5 phần quyết định.

(8) Ghi quyền khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị, thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị và thủ tục khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại các điều 30, 31 và 32 của Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân.

.....¹....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Xem xét hoãn/miễn thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Kính gửi: Tòa án Nhân dân².....

1. Tôi tên là (viết in hoa):; Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CCCD/CMT/HC:; Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi cư trú hoặc chỗ ở hiện nay:

Điện thoại liên hệ:

Quan hệ với người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

2. Tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân²..... xem xét hoãn/miễn chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với:

Họ và tên (viết in hoa):; Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số CCCD/CMT/HC:; Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi cư trú hoặc chỗ ở hiện nay:

là người phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số:/QĐ-..... ngày .../.../..... của Tòa án nhân dân huyện²..... với lý do sau:

1)

Tài liệu xác nhận kèm theo gồm:

1)

Kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện²..... xem xét, chấp thuận./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LẬP HỒ SƠ
(ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ, đóng dấu)

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(ký, ghi rõ họ, tên)

